

```

1 -- Bai 1a: Với mỗi đề án, liệt kê tên đề án và tổng số giờ làm việc một tuần của tất cả các nhân viên tham dự đề án đó.
2 -- Xuất định dạng "tổng số giờ làm việc" kiểu decimal với 2 số thập phân.
3 -- Xuất định dạng "tổng số giờ làm việc" kiểu varchar
4
5 select PHANCONG.MADA, TENDEAN, cast(sum(THOIGIAN) as decimal(6,2)) as 'Tong so gio Decimal',
6 cast(sum(THOIGIAN) as varchar) as 'Tong so gio Varchar'
7 from PHANCONG, DEAN
8 where PHANCONG.MADA = DEAN.MADA
9 group by PHANCONG.MADA, TENDEAN
10
11 -- Bai 1b: Với mỗi phòng ban, liệt kê tên phòng ban và lương trung bình của những nhân viên làm việc cho phòng ban đó.
12 -- Xuất định dạng "lương trung bình" kiểu decimal với 2 số thập phân, sử dụng dấu phẩy để phân biệt phần nguyên và phần thập phân.
13 -- Xuất định dạng "lương trung bình" kiểu varchar. Sử dụng dấu phẩy tách cứ mỗi 3 chữ số trong chuỗi ra, gợi ý dùng thêm các hàm Left, Replace
14
15 select TENPHG, convert(decimal(10,2), AVG(LUONG)) as 'Luong TB Decimal', CAST(AVG(LUONG) as varchar) as 'Luong TB Varchar',
16 LEFT(CAST(AVG(LUONG) as varchar),2)+'.'+ SUBSTRING(CAST(AVG(LUONG) as varchar),3,LEN(CAST(AVG(LUONG) as varchar))) as 'Luong TB Varchar group'
17 from NHANVIEN, PHONGBAN
18 where NHANVIEN.PHG = PHONGBAN.MAPHG
19 group by NHANVIEN.PHG, TENPHG
20
21 -- bai nay phan nhom so chua dung cho moi truong hop
22
23 -- Bai 2a: Với mỗi đề án, liệt kê tên đề án và tổng số giờ làm việc một tuần của tất cả các nhân viên tham dự đề án đó.
24 -- Xuất định dạng "tổng số giờ làm việc" với hàm CEILING
25 -- Xuất định dạng "tổng số giờ làm việc" với hàm FLOOR
26 -- Xuất định dạng "tổng số giờ làm việc" làm tròn tới 2 chữ số thập phân
27
28 select PHANCONG.MADA, TENDEAN, CEILING(sum(THOIGIAN)) as 'Tong so gio CEILING',
29 FLOOR(sum(THOIGIAN)) as 'Tong so gio FLOOR',
30 ROUND(sum(THOIGIAN),2) as 'Tong so gio ROUND'
31 from PHANCONG, DEAN
32 where PHANCONG.MADA = DEAN.MADA
33 group by PHANCONG.MADA, TENDEAN
34
35 -- Bai 2b: Cho biết họ tên nhân viên (HONV, TENLOT, TENNV) có mức lương trên mức lương trung bình (làm tròn đến 2 số thập phân)
36 -- của phòng "Nghiên cứu"
37
38 select HONV, TENLOT, TENNV, ROUND(LUONG,2)
39 from NHANVIEN
40 where LUONG > (select AVG(LUONG) from NHANVIEN NV, PHONGBAN PB
41 where NV.PHG = PB.MAPHG and TENPHG = 'Nghiên cứu')
42
43 -- Bai 3a: Danh sách những nhân viên (HONV, TENLOT, TENNV, DCHI) có trên 2 thân nhân, thỏa các yêu cầu
44 -- Dữ liệu cột HONV được viết in hoa toàn bộ
45 -- Dữ liệu cột TENLOT được viết chữ thường toàn bộ
46 -- Dữ liệu cột TENNV có ký tự thứ 2 được viết in hoa, các ký tự còn lại viết thường( ví dụ: Khanh)
47 -- Dữ liệu cột DCHI chỉ hiển thị phần tên đường, không hiển thị các thông tin khác như số nhà hay thành phố.
48
49 select MA_NV, upper(HONV) as 'Họ', lower(TENLOT) as 'Tên Lót', TENNV,
50 lower(left(TENNV,1)) + upper(substring(TENNV,2,1)) + substring(TENNV,3,LEN(TENNV)-2) as 'tên NV',
51 substring(DCHI,CHARINDEX(' ',DCHI)+1, CHARINDEX(' ',DCHI) - CHARINDEX(' ',DCHI)+1) as 'Tên đường'
52 from THANNHAN, NHANVIEN
53 where THANNHAN.MA_NV = NHANVIEN.MANV
54 group by MA_NV, HONV, TENLOT, TENNV, DCHI
55 having count(MA_NV)>2

```

```

56 -- Bai 4:
57 -- Cho biết các nhân viên có năm sinh trong khoảng 1960 đến 1965.
58 select MANV, TENNV, convert(date,NGSINH) as 'Ng Sinh'
59 from NHANVIEN
60 where year(NGSINH) between 1960 and 1965
61
62 -- Cho biết tuổi của các nhân viên tính đến thời điểm hiện tại
63 select MANV, TenNV, YEAR(getdate()) - YEAR(NGSINH) as 'Tuoi'
64 from NhanVien;
65
66 -- Dựa vào dữ liệu NGSINH, cho biết nhân viên sinh vào thứ mấy.
67 select MANV, TENNV, convert(date,NGSINH) as 'Ng Sinh',
68        DATENAME(weekday, NGSINH) as 'WEEKDAY'
69 from NHANVIEN
70
71 -- Cho biết số lượng nhân viên, tên trưởng phòng và ngày nhận chức trưởng phòng hiện thi theo định dạng dd-mm-yy (ví dụ 25-04-2019)
72
73 select count(*) as 'SL',TENNV, convert(varchar,NG_NHANCHUC,105) as 'Ngày nhan chuc'
74 from PHONGBAN, NHANVIEN
75 where PHONGBAN.TRPHG = NHANVIEN.MANV
76 group by MANV, TENNV, NG_NHANCHUC
77

```